

TTĐ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 219/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển
5 năm 2016 - 2020 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... 5 ...
	Ngày: ... 13/2/18

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 05 tháng 10 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Điện Việt Nam giai đoạn 2004 - 2010, định hướng đến 2020;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến 2030 (Quy hoạch điện VII điều chỉnh);

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương và ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm 2016 - 2020 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam với các nội dung chính sau:

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

1. Phát triển Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) thành Tập đoàn kinh tế mạnh, giữ vai trò chủ đạo trong ngành điện, đảm bảo đáp ứng nhu cầu điện cho phát triển kinh tế - xã hội, làm nòng cốt để ngành công nghiệp điện lực

Việt Nam phát triển nhanh và bền vững, xây dựng thành công hình ảnh một doanh nghiệp có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, phục vụ khách hàng sử dụng điện với chất lượng dịch vụ ngày càng tốt hơn.

2. Nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển thông qua việc sử dụng tối ưu mọi nguồn lực sẵn có, tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu quản lý vận hành và đầu tư phát triển nguồn điện, lưới điện truyền tải và phân phối, kinh doanh bán điện.

II. NHIỆM VỤ CHÍNH

1. Đầu tư phát triển các dự án, công trình nguồn điện và lưới điện được giao trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia và các địa phương, đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả đầu tư. Nghiên cứu đầu tư phát triển nguồn điện năng lượng tái tạo, đồng thời đẩy mạnh các biện pháp bảo vệ môi trường trong đầu tư xây dựng và vận hành khai thác các công trình điện.

2. Vận hành an toàn, ổn định hệ thống điện quốc gia, đảm bảo an ninh cung ứng điện và hiệu quả kinh tế vận hành hệ thống điện.

3. Thực hiện các nhiệm vụ được giao về đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng các văn bản pháp lý và đào tạo phát triển nguồn nhân lực phục vụ thị trường điện lực cạnh tranh.

4. Thực hiện kế hoạch sắp xếp, tái cơ cấu các đơn vị thành viên của Tập đoàn theo Đề án tổng thể sắp xếp, tái cơ cấu doanh nghiệp thuộc EVN giai đoạn 2017 - 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đi đôi với phát triển thị trường điện bán buôn điện cạnh tranh.

5. Thực hiện đầu tư đưa điện về nông thôn, miền núi, hải đảo góp phần đảm bảo đến năm 2020 hầu hết số hộ dân nông thôn có điện theo Chương trình mục tiêu cấp điện cho nông thôn, miền núi, hải đảo.

6. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong quản lý vận hành hệ thống điện; xây dựng hệ thống điện vận hành linh hoạt có khả năng tự động hóa cao từ sản xuất, truyền tải tới phân phối điện.

7. Tiếp tục thực hiện các giải pháp đồng bộ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và tăng năng suất lao động; cải tiến công tác kinh doanh điện năng và dịch vụ khách hàng để tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ.

8. Đào tạo phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển và hiện đại hóa của Tập đoàn.

9. Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên (CBCNV), ổn định việc làm và cải thiện đời sống người lao động trên cơ sở nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và tăng năng suất lao động.

III. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHỦ YẾU

1. Kế hoạch cung ứng điện 5 năm giai đoạn 2016 - 2020

a) Tập đoàn có trách nhiệm đảm bảo đáp ứng nhu cầu điện với tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm bình quân giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 10,08%/năm, cụ thể như sau:

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Điện sản xuất và mua của Tập đoàn, triệu kWh	177.234	192.445	210.490	232.100	255.900
Tăng trưởng (%)	10,99%	8,58%	9,38%	10,27%	10,25%
Điện thương phẩm, triệu kWh	159.793	174.050	190.540	210.356	232.233
Tăng trưởng (%)	11,21%	8,92%	9,47%	10,40%	10,40%

b) Tập đoàn chuẩn bị phương án để có thể đáp ứng đủ nhu cầu điện với tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm cao hơn.

2. Kế hoạch đầu tư phát triển nguồn điện

a) Các dự án đưa vào vận hành trong giai đoạn 2016 - 2020

Bảo đảm tiến độ đưa vào vận hành 21 tổ máy thuộc 12 dự án nguồn điện với tổng công suất 6.100 MW, trong đó có các dự án trọng điểm như sau:

- Dự án nhà máy thủy điện Lai Châu (đã đưa vào vận hành năm 2016).
- Các dự án nhà máy nhiệt điện: Duyên Hải III, Duyên Hải III mở rộng, Vĩnh Tân IV, Vĩnh Tân IV mở rộng và Thái Bình I.

b) Kế hoạch khởi công các công trình nguồn điện

- Khởi công xây dựng 08 công trình nguồn điện với tổng công suất 5.540 MW, cụ thể:

+ Các công trình nhà máy thủy điện: Ialy mở rộng, Hòa Bình mở rộng, Trị An mở rộng;

+ Nhiệt điện Vĩnh Tân IV mở rộng (đã khởi công năm 2016);

+ Nhiệt điện Ô Môn III;

+ Nhiệt điện Ô Môn IV;

+ Nhiệt điện Quảng Trạch I;

+ Nhiệt điện Quảng Trạch II.

- Đẩy nhanh công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng Dự án nhà máy nhiệt điện Tân Phước I để có thể sớm khởi công trong giai đoạn đến 2020.

- Khởi công xây dựng các dự án nhà máy điện mặt trời được phê duyệt bổ sung quy hoạch.

Danh mục các dự án nguồn điện đưa vào vận hành và khởi công xây dựng giai đoạn 2016 - 2020 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Kế hoạch đầu tư phát triển lưới điện

a) Đầu tư xây dựng, đưa vào vận hành khoảng 300 công trình lưới điện truyền tải 500 kV, 220 kV với tổng chiều dài 12.200 km đường dây và tổng dung lượng trạm biến áp khoảng 66.000 MVA.

b) Đầu tư xây dựng các công trình lưới điện, khắc phục tình trạng quá tải, nghẽn mạch, cải thiện chất lượng điện áp và đáp ứng mục tiêu đến năm 2020 hệ thống lưới điện truyền tải từ 220 kV trở lên trên toàn quốc và lưới điện 110kV tại các thành phố lớn đạt tiêu chuẩn độ tin cậy N-1 để đảm bảo cung ứng điện với độ tin cậy cao.

c) Nghiên cứu việc đầu tư lưới điện liên kết với các nước trong khu vực để tăng cường nhập khẩu điện từ Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào, Campuchia và Trung Quốc, bao gồm các đường dây 500 kV, 220 kV đấu nối với lưới điện các nước và các trạm biến áp, trạm chuyển đổi AC-DC-AC (back to back).

d) Đầu tư xây dựng lưới điện 110 kV, lưới điện trung, hạ áp từ cấp điện áp 35 kV xuống đến 0,4 kV để đảm bảo năng lực phân phối điện, độ tin cậy và chất lượng điện năng.

Danh mục đầu tư các công trình lưới điện truyền tải 500 kV, 220 kV giai đoạn 2016 - 2020 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

4. Kế hoạch đầu tư cấp điện cho nông thôn, miền núi và hải đảo

- Đầu tư các dự án cấp điện nông thôn tại các địa phương được giao trong Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn đến năm 2020 phù hợp với Chương trình mục tiêu cấp điện cho nông thôn, miền núi và hải đảo được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2016 và khả năng bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước (NSNN) trong giai đoạn 2016 - 2020.

- Tiếp tục bố trí các nguồn vốn để cải tạo, nâng cấp lưới điện nông thôn hiện có nhằm đảm bảo độ tin cậy cấp điện và chất lượng điện năng, đáp ứng yêu cầu sử dụng điện cho sinh hoạt và phát triển sản xuất và sinh hoạt ở nông thôn.

5. Các chỉ tiêu về hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động giai đoạn 2016 - 2020

- Giảm tỷ lệ điện dùng cho truyền tải và phân phối đến 2020 xuống 6,5%.

- Độ tin cậy cung cấp điện: Thời gian mất điện bình quân của một khách hàng trong năm (chỉ số SAIDI) đến năm 2020 xuống dưới 400 phút.

- Chỉ số tiếp cận điện năng: Giảm thời gian thực hiện các thủ tục cấp điện theo Nghị quyết của Chính phủ để nâng cao chất lượng dịch vụ phân phối điện và năng lực cạnh tranh của quốc gia; rút ngắn tổng thời gian tiếp cận điện năng đến năm 2020 xuống dưới 30 ngày.

- Đảm bảo tốc độ tăng năng suất lao động cao hơn tốc độ tăng tiền lương. Tăng năng suất lao động bình quân hàng năm từ 8 - 10%. Sản lượng điện thương phẩm đạt bình quân 2,5 triệu kWh/CBCNV đến năm 2020.

6. Kế hoạch chỉ tiêu tài chính, kinh doanh giai đoạn 2016 - 2020

a) Phê duyệt định hướng kế hoạch tài chính, kinh doanh của Tập đoàn giai đoạn 2016 - 2020 như sau:

- Các năm trong giai đoạn 2016 - 2020, Tập đoàn đảm bảo kinh doanh có lãi với chỉ tiêu lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu từ 3% trở lên; hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu nhỏ hơn 3 lần; tỷ lệ tự đầu tư lớn hơn 30%; hệ số thanh toán nợ bằng hoặc lớn hơn 1,5 lần.

- Thực hiện phân bổ các khoản chênh lệch tỷ giá còn chưa phân bổ hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho các năm tiếp theo nhưng không quá 5 năm theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Xem xét tăng vốn điều lệ của EVN trên cơ sở tăng vốn từ tái định cư các công trình điện từ NSNN, lợi nhuận để lại, tiếp nhận lưới điện nông thôn được đầu tư bằng vốn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Thực hiện giá bán điện bình quân theo giá thị trường trên cơ sở khung giá bán lẻ điện bình quân để đảm bảo các chỉ tiêu tài chính.

b) Kế hoạch vốn đầu tư

Tập trung mọi nỗ lực, huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước để đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 720.576 tỷ đồng, trong đó:

- Nhu cầu vốn đầu tư thuần: 505.510 tỷ đồng;
- + Nguồn điện: 232.609 tỷ đồng;
- + Lưới điện truyền tải: 96.406 tỷ đồng;
- + Lưới điện phân phối: 172.141 tỷ đồng;
- + Các công trình khác: 4.354 tỷ đồng.
- Góp vốn các dự án điện: 2.707 tỷ đồng;
- Trả nợ gốc và lãi vay: 212.359 tỷ đồng.

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM 2016 - 2020

1. Giải pháp trong sản xuất và cung ứng điện

- Vận hành an toàn và ổn định hệ thống điện: Đảm bảo tiến độ sửa chữa các nhà máy điện, các công trình lưới điện theo kế hoạch; đảm bảo tính khả dụng của các tổ máy phát điện, nâng cao hiệu suất các nhà máy điện, đặc biệt là các nhà máy nhiệt điện than.

- Huy động hợp lý công suất, điện năng các nhà máy thủy điện, các nguồn điện mua của các nhà máy điện độc lập và các nguồn điện dự phòng của khách hàng, nhập khẩu điện.

- Đảm bảo nguồn năng lượng sơ cấp cho phát điện: Khai thác tối ưu các nguồn năng lượng, đặc biệt là nguồn thủy điện, nguồn nhiên liệu khí và nguồn than trong nước và nhập khẩu than.

- Đưa các nhà máy điện mới vào khai thác đúng tiến độ và ổn định.

- Cải thiện chất lượng công tác kinh doanh điện năng và dịch vụ khách hàng, thực hiện rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng theo quy định hiện hành.

2. Giải pháp về quản lý, tổ chức

- Thực hiện việc sắp xếp, tái cơ cấu các đơn vị trực thuộc, các công ty con theo Đề án sắp xếp, tái cơ cấu EVN được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Rà soát, sửa đổi, xây dựng hệ thống quy chế quản lý nội bộ EVN.

- Tham gia xây dựng và phát triển thị trường điện lực Việt Nam theo lộ trình được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Giải pháp về đảm bảo tài chính

a) Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh:

- Thực hiện tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động.

- Ban hành mới, sửa đổi các quy chế, quy định trong quản lý tài chính, kiểm soát chi phí; sửa đổi, bổ sung các loại định mức chi phí để tiết kiệm chi phí sản xuất trong từng khâu sản xuất kinh doanh; tiếp tục thực hiện cơ chế khuyến khích thực hiện tối ưu hóa chi phí.

- Ban hành mới bộ “Định mức lao động sản xuất kinh doanh điện” phù hợp với yêu cầu nâng cao trình độ công nghệ và quản lý tài sản.

- Xây dựng thang bảng lương theo vị trí chức danh công việc và cơ chế đánh giá kết quả thực hiện công việc theo hiệu quả năng suất và chất lượng.

- Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ chi tiêu tuyển dụng lao động mới hàng năm của từng đơn vị. Rà soát, điều chuyển hợp lý lao động hiện có, mở rộng hình thức thuê ngoài lao động cho các công việc phụ trợ.

- Thực hiện điều chỉnh giá bán điện theo cơ chế thị trường được Thủ tướng Chính phủ ban hành, bảo đảm các hoạt động sản xuất kinh doanh điện có mức lợi nhuận hợp lý để tái đầu tư mở rộng phát triển điện.

- Tăng cường kiểm tra việc áp giá bán điện cho khách hàng theo mục đích sử dụng điện và các đối tượng sử dụng điện, tăng cường các biện pháp quản lý để giảm tổn thất điện năng.

b) Tăng cường quản lý tài chính để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn:

- Tiến hành đánh giá lại tài sản của Công ty mẹ và các đơn vị trực thuộc, thực hiện thủ tục tăng vốn điều lệ của Tập đoàn và các đơn vị trực thuộc theo quy định.

- Thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư các công trình hoàn thành theo đúng quy định của Nhà nước.

- Thực hiện tốt công tác thanh quyết toán công nợ; tăng cường quản trị vật tư thiết bị tồn kho và tài sản cố định.

- Ban hành mới, sửa đổi các quy chế quy định trong quản lý tài chính, kiểm soát chi phí.

4. Giải pháp cho đầu tư xây dựng

a) Giải pháp đảm bảo nguồn vốn cho đầu tư

- Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn vay ODA và các nguồn vốn vay nước ngoài, có kế hoạch giải ngân nguồn vốn vay ODA theo tiến độ đã ký kết trong Hiệp định vay vốn.

- Đa dạng các hình thức huy động nguồn vốn trong nước và quốc tế để đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho đầu tư nguồn và lưới điện. Chủ động xây dựng, tính toán nhu cầu vốn theo các dự án, chương trình đầu tư để làm việc với các Ngân hàng thương mại trong nước; chủ động hợp tác, đề xuất với các tổ chức tài chính quốc tế để vay vốn ODA và vốn ưu đãi. Tìm kiếm nguồn vốn tín dụng hỗ trợ xuất khẩu của nước ngoài thông qua việc đấu thầu cung cấp thiết bị hoặc đấu thầu EPC; huy động vốn bằng hình thức phát hành trái phiếu trong nước và phát hành trái phiếu quốc tế.

- Sử dụng hiệu quả nguồn vốn NSNN để thực hiện di dân tái định cư các công trình nguồn điện và các chương trình mục tiêu cấp điện cho nông thôn, miền núi, hải đảo.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu tư trong tất cả các giai đoạn: Chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, kết thúc đầu tư, nghiệm thu bàn giao và quyết toán công trình.

- Hoàn thiện hệ thống các quy trình, quy định, hệ thống các đơn giá - định mức chi phí trong quản lý và thực hiện đầu tư xây dựng.

- Thực hiện các giải pháp phù hợp với Đề án sắp xếp, tái cơ cấu EVN được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Phối hợp cùng Ngân hàng Thế giới nghiên cứu phát hành trái phiếu EVN ra thị trường quốc tế hoặc vay nước ngoài có bảo lãnh một phần của Ngân hàng thế giới và đồng bảo lãnh một phần (15 - 20% giá trị khoản vay, trái phiếu) của Bộ Tài chính.

b) Giải pháp đảm bảo tiến độ các dự án nguồn và lưới điện

- Thực hiện đầu tư xây dựng các công trình nguồn và lưới điện trong Quy hoạch điện VII điều chỉnh được Chính phủ giao, đảm bảo chất lượng và tiến độ đề ra; chủ động rà soát Quy hoạch phát triển điện lực của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để có những điều chỉnh phù hợp với nhu cầu thực tế.

- Đảm bảo tính đồng bộ trong đầu tư xây dựng các công trình nguồn và lưới điện, giữa các công trình lưới điện truyền tải và phân phối.

- Sắp xếp, nâng cao năng lực của các Ban Quản lý dự án; điều hành quản lý, giám sát chặt chẽ việc thực hiện của các nhà thầu.

- Kiểm soát chặt chẽ tiến độ và giám sát chất lượng công trình.

- Kịp thời nghiên cứu đề xuất với Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành giải quyết, tháo gỡ khó khăn vướng mắc để đảm bảo chất lượng, tiến độ theo tình hình thực tế của từng dự án.

5. Ứng dụng công nghệ hiện đại, kỹ thuật mới để giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động

- Chủ động áp dụng các công nghệ và thiết bị mới nhằm tăng năng suất lao động, tăng khả năng giám sát tình trạng thiết bị, ngăn ngừa sự cố như: Công nghệ không cắt điện khi sửa chữa, bảo dưỡng; công nghệ vệ sinh cách điện trên lưới điện đang mang điện bằng nước áp lực cao; công nghệ tự động hóa điều khiển xa trạm biến áp.

- Hợp tác nghiên cứu chế tạo trong nước các thiết bị và các phụ tùng đặc chủng với các đơn vị có năng lực để tạo ra nguồn cung cấp thiết bị phụ tùng có chất lượng bảo đảm, giá cả phù hợp, tiến độ cấp hàng đáp ứng các yêu cầu của sửa chữa.

- Nâng cao năng lực quản lý dự án, thiết kế, công nghệ để chủ động tham gia chương trình nội địa hóa các thiết bị phụ của nhà máy nhiệt điện.

6. Giải pháp tiết kiệm điện và sử dụng điện hiệu quả

- Thực hiện phương thức vận hành ổn định, an toàn trong hệ thống điện; bố trí kế hoạch sửa chữa các nhà máy điện hợp lý; tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, nâng cao năng lực khai thác thiết bị; hạn chế sự cố, tiết kiệm chi phí nhiên liệu, giảm tổn thất điện năng nhằm huy động tối đa và có hiệu quả các nguồn điện.

- Tham gia xây dựng và thúc đẩy thực hiện các chính sách khuyến khích tiết kiệm điện và nâng cao hiệu suất sử dụng điện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các bộ, ngành liên quan theo thẩm quyền được giao, chỉ đạo và phối hợp với EVN tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan cụ thể hóa kế hoạch phát triển điện lực tại địa phương và bố trí quỹ đất để đầu tư xây dựng các dự án điện trong Phụ lục kèm theo Quyết định này.

3. Hội đồng thành viên EVN chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, đảm bảo hoàn thành kế hoạch đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: TH, KTTH, NN, ĐMDN;
- Lưu: VT, CN (2). nvq *đds*

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng



Phụ lục I

DANH MỤC ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH NGUỒN ĐIỆN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Được ban hành kèm theo Quyết định số 219 /QĐ-TTg
ngày 13 tháng 02 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ)

**Bảng 1. Danh mục các công trình nguồn điện dự kiến vào vận hành
giai đoạn 2016 - 2020**

TT	Danh mục công trình	Công suất (MW)	Ghi chú
I	Năm 2016	2.305	
1	TĐ Huội Quảng #2	260	Đã vận hành
2	TĐ Lai Châu #2,3	2x400	Đã vận hành
3	NĐ Duyên Hải 3	2x622,5	Đã vận hành (GENCO 1)
II	Năm 2017	2.135	
1	TĐ Trung Sơn #1,2,3,4	4x65	Đã vận hành (GENCO 2)
2	TĐ Thác Mơ mở rộng	75	Đã vận hành
3	NĐ Thái Bình I #1,2	2x300	Đã vận hành
4	NĐ Vĩnh Tân IV #1,2	2x600	Đã vận hành
III	Năm 2018	760	
1	TĐ Sông Bung 2 #1,2	2x50	GENCO 2
2	NĐ Duyên Hải 3 mở rộng	660	
IV	Năm 2019	900	
1	TĐ Thượng Kon Tum # 1,2	2x110	VSH (GENCO 3)
2	TĐ Đa Nhim mở rộng	80	DHD (GENCO 1)
3	NĐ Vĩnh Tân IV mở rộng	600	
	Tổng cộng	6.100	21 tổ máy/12 dự án

Bảng 2. Danh mục các công trình nguồn điện dự kiến khởi công giai đoạn 2016 - 2020

TT	Danh mục công trình	Công suất (MW)	Tiến độ vận hành được duyệt	Ghi chú
I	Năm 2016	600		
1	NĐ Vĩnh Tân IV mở rộng	600	Năm 2019	Đã khởi công năm 2016
II	Năm 2018	1.200		
1	NĐ Quảng Trạch I	2x600	TM1: năm 2021 TM2: năm 2022	
III	Năm 2019	1.590		
1	TĐ Hòa Bình mở rộng	2x240	TM1: năm 2021 TM2: năm 2022	Phát điện TM1 năm 2022; TM2 năm 2023
2	TĐ Ialy mở rộng	2x180	Năm 2020	Phát điện năm 2022
3	NĐ Ô Môn III	750	Năm 2020	Phát điện phù hợp với tiến độ cấp khí
IV	Năm 2020	2.150		
1	TĐ Trị An mở rộng	2x100	Năm 2025	
2	NĐ Quảng Trạch II	2x600	TM1: năm 2028 TM2: năm 2029	Nghiên cứu đẩy sớm tiến độ
3	NĐ Ô Môn IV	750	Năm 2021	Phát điện phù hợp với tiến độ cấp khí
	Tổng cộng	5.540		08 dự án

Bảng 3. Danh mục các công trình đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư để xem xét khởi công trong giai đoạn 2016 - 2020

TT	Danh mục công trình	Công suất (MW)	Tiến độ vận hành được duyệt	Ghi chú
	Năm 2020	2.200		
1	NĐ Tân Phước I	2x600	TM1: năm 2027 TM2: năm 2028	Nghiên cứu đẩy nhanh tiến độ tiến độ vận hành, tiến độ chuẩn bị đầu tư để xem xét khởi công trong giai đoạn 2016 - 2020.
2	NĐ Tân Phước II	2x600	TM1: năm 2028 TM2: năm 2029	
3	TBKHH Dung Quất I	750	Năm 2023	Phát điện phù hợp với tiến độ cấp khí Cá Voi Xanh
4	TBKHH Dung Quất II	750	Năm 2026	

Bảng 4. Danh mục các công trình điện mặt trời dự kiến khởi công, hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020

TT	Danh mục công trình	Công suất (MW)	Dự kiến	
			Khởi công	Hoàn thành
I	Năm 2018	50		
1	Điện mặt trời Phước Thái 1	50	2018	2019
II	Năm 2019	99		
1	Điện mặt trời Sê San 4	49	2019	2019
2	Điện mặt trời Sông Bình 1	50	2019	2019
III	Năm 2020	300		
1	Điện mặt trời Phước Thái 2+3	150	2020	2021
2	Điện mặt trời Sông Bình 2+3	150	2020	2021
	Tổng cộng (I+II+III)	449		



Phụ lục II
**DANH MỤC ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH LƯỚI ĐIỆN
GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 219/QĐ-TTg
ngày 13 tháng 02 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục dự án	Quy mô		Ghi chú
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)	
A	LƯỚI ĐIỆN 500 KV			
I	Năm 2016			
1	Trạm biến áp 500 kV Phố Nối và các đường dây đầu nối	2x1,2+4x10	600	
2	Trạm 500 kV Pleiku 2	2x3,8		
3	Đường dây 500kV Nhiệt điện Duyên Hải - Mỹ Tho	2x113		
4	Nâng công suất Trạm biến áp 500 kV Sơn La		2x450→ 450+900	
5	Lắp máy biến áp 500/220 kV Trạm biến áp 500 kV Pleiku 2		1x450	
6	Đầu nối Nhà máy điện Vĩnh Tân 4 vào hệ thống điện Quốc gia	2x1,864		
7	Trạm biến áp 500 kV Mỹ Tho và các Đường dây đầu nối (lắp máy biến áp 500 kV)		900	
8	Nâng công suất Trạm biến áp 500kV Thường Tín		600→900	
9	Mở rộng ngăn lộ đường dây tại trạm 500 kV Quảng Ninh và trạm 500 kV Hiệp Hòa để đầu nối Đường dây 500 kV Quảng Ninh - Hiệp Hòa (mạch 2)			
II	Năm 2017			
10	Trạm biến áp 500 kV Đông Anh	2x1,675	900	
11	Đường dây 500 kV đầu nối NMNĐ Thăng Long	2x4,039		
12	Đường dây 500/220 kV Hiệp Hoà - Đông Anh - Bắc Ninh 2	1x43+2x43+4x6		
13	Lắp máy 2 Trạm biến áp 500 kV Cầu Bông		900	

STT	Danh mục dự án	Quy mô		Ghi chú
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)	
14	Lắp máy 2 Trạm biến áp 500 kV Pleiku 2		1x450	
15	Lắp máy 2 Trạm biến áp 500 kV Phố Nối		600	
16	Nâng công suất Trạm biến áp 500 kV Thường Tín (giai đoạn 2 - lắp máy biến áp 220 kV thứ 2)		1x250	
17	Lắp đặt ngăn lộ tại Trạm biến áp 500 kV Duyên Hải đầu nối Nhà máy điện Duyên Hải 3 mở rộng			
18	Nâng công suất máy biến áp 500 kV Sân phân phối nhà máy nhiệt điện Vũng Áng		450→900	
19	Trang bị kháng điện bù ngang trên lưới 500 kV: Vũng Áng, Pleiku 2, Đăk Nông, Di Linh, Sông Mây, Cầu Bông		6 bộ x 128 MVar	
III	Năm 2018			
20	Nâng công suất Trạm biến áp 500 kV Sơn La		450+900→ 2x900	
21	Trạm biến áp 500 kV Lai Châu		1x450+1x250	
22	Lắp máy 2 Trạm biến áp 500 kV Đông Anh		900	
23	Trạm 500 kV Việt Trì và đầu nối	2x2,5+4x16	450	
24	Nâng công suất Trạm biến áp 500 kV Phố Nối		2x600→ 600+900	
25	Trạm biến áp 500 kV Tây Hà Nội		900	
26	Đường dây 500 kV Tây Hà Nội - Thường Tín	2x39,97		
27	Nâng công suất Trạm biến áp 500 kV Tân Định		450→900	
28	Trạm biến áp 500 kV Tân Uyên	4x(10,5+1,9)	900+250	
29	Đường dây 500 kV Sông Mây - Tân Uyên	2x7,8+4x15,5		
30	Đường dây Vinh Tân - rẽ Sông Mây - rẽ Tân Uyên	2x233,84		
31	Đường dây 500 kV ND Long Phú - Ô Môn	2x85,2		

STT	Danh mục dự án	Quy mô		Ghi chú
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)	
32	Thay dây chống sét thứ 2 trên Đường dây 500 kV Bắc - Nam mạch 1 bằng dây chống sét có kết hợp cáp quang OPGW			
IV	Năm 2019			
33	Lắp máy 2 Trạm biến áp 500 kV Việt Trì		450→2x450	
34	Đường dây 500 kV Công Thanh - Nghi Sơn	2x18		
35	Đường dây 500 kV Nhiệt điện Quảng Trạch - Vũng Áng và Sân phân phối 500kV Trung tâm Điện lực Quảng Trạch	2x18		
36	Đường dây mạch kép 500 kV Quảng Trạch - Đốc Sỏi	2x484		
37	Đường dây mạch kép 500 kV Đốc Sỏi - Pleiku 2	2x208		
38	Trạm biến áp 500 kV Chơn Thành (trạm Mỹ Phước)		900+250	
39	Trạm biến áp 500 kV Đức Hoà và đường dây đầu nối	2x12,4+4x24,4+4x29,8	900	
40	Đường dây 500 kV Mỹ Tho - Đức Hòa	2x60		
41	Trạm biến áp 500 kV Mỹ Tho (máy 2)		900	
42	Trạm biến áp 500 kV Tân Uyên (máy 2)		900	
43	Nâng công suất máy 2 Trạm biến áp 500 kV Tân Định		450→900	
44	Nâng công suất Trạm biến áp 500 kV Đốc Sỏi		1x600	
45	Nâng cấp hệ thống điều khiển, bảo vệ các Trạm biến áp 500 kV, 220 kV khu vực Miền Bắc.			
46	Nâng cấp hệ thống điều khiển, bảo vệ các Trạm biến áp 500 kV, 220 kV khu vực Miền Trung			

STT	Danh mục dự án	Quy mô		Ghi chú
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)	
47	Nâng cấp hệ thống điều khiển, bảo vệ các Trạm biến áp 500 kV, 220 kV khu vực Miền Nam			
V	Năm 2020			
48	Đường dây 500/220 kV Nho Quan - Phú Lý - Thường Tín	6&3&2&1x3,9+39+2,6+32		
49	Lắp máy 2 Trạm biến áp 500 kV Lai Châu		450	
50	Nâng công suất Trạm biến áp 500 kV Quảng Ninh		2x450→ 2x600	
51	Đường dây 500 kV đấu nối nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 2 vào hệ thống điện Quốc gia	4x50		
52	Đường dây 500 kV Vũng Áng - Rẽ Hà Tĩnh - Đà Nẵng M3,4	2x17		
53	Nâng công suất Trạm biến áp 500 kV Nhà Bè		2x600→ 2x900	
54	Nâng công suất máy 2 Trạm biến áp 500 kV Ô Môn		600→900	
55	Đường dây 500 kV Sông Hậu - Đức Hòa	2x138		
56	Đường dây 500 kV Đức Hòa - Chơn Thành	2x104		
57	Trạm biến áp 500 kV Long Thành	4x8+4x8	900+250	
58	Đường dây 500 kV Long Thành - Phú Mỹ - Rẽ Sông Mỹ	2x16		
59	Trạm 500 kV Cù Chi và đường dây đấu nối	2x20	900	
60	Lắp máy biến áp thứ 2 Trạm biến áp 500 kV Đức Hòa		900	
B.	LƯỚI ĐIỆN 220 KV			
I	Năm 2016			
1	Nâng công suất máy biến áp 220 kV Trạm biến áp 220 kV Huế		2x125→ 125+250	
2	Đường dây 220 kV Vũng Áng - Ba Đồn - Đồng Hới	2x86		

STT	Danh mục dự án	Quy mô		Ghi chú
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)	
3	Trạm biến áp 220 kV Than Uyên và đường dây đầu nối	2x24,6	250	
4	Lắp máy 2 Trạm biến áp 220 kV Tuy Hòa		125	
5	Lắp máy 2 Trạm biến áp 220 kV Thuận An		250	
6	Nâng công suất Trạm biến áp 220 kV Krôngbuk		2x125→125+250	
7	Lắp máy biến áp 220 kV tại Trạm biến áp 500 kV Nho Quan và mở rộng ngăn lộ		125	
8	Đường dây 220 kV Thái Bình - Kim Động	2x46,2		
9	Đường dây 220 kV Xekaman 1-Pleiku 2	2x103+4x16		
10	Thay máy biến áp AT2 Trạm biến áp 500 kV Đà Nẵng		125→250	
11	Thay máy Trạm biến áp 220 kV Đốc Sỏi		125	
12	Trạm biến áp 220 kV Sơn Tây và đầu nối	1x3,8	250	
13	Trạm biến áp 220 kV Mỏ Cây	2x 0,46	125	
14	Nâng công suất Trạm biến áp 220 kV Bến Tre		250	
15	Nâng công suất Trạm biến áp 220 kV Cao Lãnh (máy thứ 2)		125→250	
16	Mở rộng ngăn lộ 220 kV Cát Lái			
17	Trạm biến áp 220 kV Hàm Tân	11,5	250	
18	Lắp máy thứ 2 Trạm biến áp 220 kV Bim Sơn		250	
19	Lắp máy biến áp 220 kV thứ 2 Trạm biến áp 500 kV Hà Tĩnh		125	
20	Lắp máy 2 Trạm biến áp 220kV Yên Bái		125	
21	Trạm biến áp 220 kV Mỹ Xuân	2 x 0,16	2 x 250	
22	Trạm 220 kV Đức Trọng và nhánh rẽ đường dây	2x7,1	125	

STT	Danh mục dự án	Quy mô		Ghi chú
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)	
23	Nâng công suất Trạm biến áp 220 kV Thanh Hóa (lên quy mô 125+250 MVA)		125→250	
24	Treo dây M2 Đường dây 220 kV Hòa Khánh - Huế	90		
25	Nâng công suất Trạm biến áp 220 kV Vật Cách		2x125→125+250	
26	Đường dây 220 kV Cầu Bông - Hố Môn - Rẽ Bình Tân	2x7,2+2x7,6		
27	Nâng công suất Trạm biến áp 220 kV Vĩnh Yên		125→250	
28	Lắp máy biến áp 220 kV Trạm biến áp 500 kV Quảng Ninh		125	
29	Trạm biến áp 220 kV Ngũ Hành Sơn và Đường dây 220 kV Đà Nẵng - Quận 3	11,25	250	
30	Nâng công suất Trạm biến áp 220 kV Hòa Khánh		125	
31	Trạm biến áp 220 kV Bảo Lâm và đường dây đấu nối	2x14,2	1x125	
32	Đường dây 220 kV Phan Thiết - Phú Mỹ 2	2x144		
33	Nâng công suất Trạm biến áp 220 kV Hoàn Bô từ 2x125MVA lên (125+250) MVA		125→250	
34	Đường dây 220 kV đấu nối Thủy điện Trung Sơn	2x57,4		
35	Nâng công suất Trạm biến áp 220 kV Lào Cai		250	
36	Trạm biến áp 220 kV Sơn Hà		2x125	
37	Lắp máy 2 Trạm biến áp 220 kV Sóc Trăng		125	
38	Trạm biến áp 220 kV Vũng Tàu	2x1	1x250	
39	Trạm biến áp 220 kV Tây Hà Nội		250	
40	Trạm biến áp 220 kV Long Biên và đường dây đấu nối		2x250	
41	Trạm biến áp 220 kV Đông Anh		250	

STT	Danh mục dự án	Quy mô		Ghi chú
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)	
42	Lắp máy 2 Trạm biến áp 220 kV Kim Động		250	
43	Nâng công suất trạm 220 kV Kiên Bình		2x125→ 125+250	
44	Lắp máy biến áp AT2 Trạm biến áp 220 kV Phú Bình		250	NPC
45	Trạm biến áp 220 kV Vĩnh Tường và các đường dây đầu nối	2x4,5+2x5+ 7,5	250	NPC
46	Trạm biến áp 220 kV Công nghệ cao và đường dây đầu nối	2x6,5	2x250	HCMC
II	Năm 2017			
47	Đường dây 220 kV Bảo Thắng - Yên Bái	2x117		
48	Lắp máy 2 Trạm biến áp 220 kV Cao Bằng		125	
49	Đường dây 220 kV Hoà Bình - Tây Hà Nội	2&4x50,6		
50	Trạm biến áp 220 kV Bắc Ninh 3 và đầu nối	2x4,7	250	
51	Lắp máy 2 Trạm biến áp 220 kV Bắc Ninh 2		250	
52	Trạm biến áp 220kV Thái Thụy		250	
53	Trạm biến áp 220 kV Trực Ninh		250	
54	Đường dây 220 kV Trực Ninh cắt Đường dây 220 kV Ninh Bình - Nam Định	2x29,5		
55	Đường dây 220 kV Thái Bình- Tiền Hải - Trực Ninh	2x42,2		
56	Lắp máy 2 Trạm biến áp 220 kV Đô Lương		125	
57	Lắp đặt tụ bù ngang trên lưới truyền tải điện miền Bắc		8 Trạm biến áp	
58	Lắp máy 2 Trạm biến áp 220 kV Thạnh Mỹ		125	
59	Đường dây 220 kV Quảng Ngãi - Quy Nhơn	2x142,4		
60	Trạm cắt 220 kV Phước An			

STT	Danh mục dự án	Quy mô		Ghi chú
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)	
61	Trạm biến áp 220 kV Phù Mỹ		1x125	
62	Nâng công suất Trạm biến áp 220 kV Nha Trang		125+250→ 2x250	
63	Trạm biến áp 220 kV Tháp Chàm (máy 2)		125	
64	Nâng công suất Trạm biến áp 220 kV thủy điện Đại Ninh		63→63+125	GENCO1
65	Đường dây 220 kV cấp điện cho Nhà máy điện phân nhôm Đắk Nông	2x12,74		
66	Lắp máy 2 Trạm biến áp 220 kV Tây Ninh		250	
67	Thay máy biến áp trạm 220 kV Bình Long		125→250	
68	Đường dây 220 kV Tân Uyên- Thuận An	2x0,7+4x11,9		
69	Cải tạo Đường dây 220 kV Phú Lâm - Hóc Môn 1 thành 2 mạch	2x19		
70	Trạm biến áp 220 kV Quận 8		2x250+2x63	HCMC
71	Thay dây siêu nhiệt Đường dây 220 kV Phú Mỹ - Mỹ Xuân	2x2,16		
72	Thay máy biến áp 100 MVA bằng máy biến áp 250 MVA trạm biến áp 220 kV Trà Nóc		100→250	
73	Cải tạo, nâng cấp Đường dây 220 kV Cai Lậy - Cao Lãnh	2x57		
74	Trạm 220 kV Long Xuyên 2 và đường dây đấu nối	2x0,1+4x0,74	250+40	SPC
75	Lắp máy 2 Trạm biến áp 220 kV Trà Vinh		125	
76	Lắp đặt tụ bù ngang trên lưới truyền tải điện miền Nam		5 Trạm biến áp	
III	Năm 2018			
77	Lắp máy 2 Trạm biến áp 220 kV Đông Anh		250	
78	Bổ sung máy biến áp AT1 và các xuất tuyến 110 kV trạm 220 kV Tây Hồ - E1.40		250	HANOI

STT	Danh mục dự án	Quy mô		Ghi chú
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)	
79	Lắp máy biến áp 220 kV thứ 2 Trạm biến áp 500 kV Hiệp Hòa		250	
80	Đường dây 220 kV nhánh rẽ Trạm biến áp 220 kV Tây Hà Nội	4x12,7		
81	Lắp máy biến áp thứ 2 Trạm biến áp 220 kV Tây Hà Nội		250	
82	Lắp máy biến áp thứ 2 Trạm biến áp 220 kV Bắc Ninh 3		250	
83	Trạm biến áp 220 kV Bảo Lâm (máy 2)		125	
84	Lắp máy 2 các Trạm biến áp 220 kV Hà Giang, Tuyên Quang, Bảo Thắng		125+125+250	
85	Trạm biến áp 220 kV Lưu Xá	2x5	250	
86	Trạm biến áp 220 kV Phú Thọ	2x7	250	
87	Trạm biến áp 220 kV Quang Châu	4x6	250	
88	Nâng công suất Trạm biến áp 220 kV Đông Hòa		125+250→ 2x250	
89	Nâng công suất trạm 220 kV Hải Dương 1		125→250	
90	Lắp máy biến áp thứ 2 Trạm biến áp 220kV Hải Dương 2		250	
91	Cải tạo, nâng khả năng tải cho Đường dây 220 kV Hà Đông - Phù Lý	1x43		
92	Trạm biến áp 220 kV Thanh Nghị		250	
93	Đường dây 220 kV Nho Quan - Thanh Nghị	2x25		
94	Thay dây nâng khả năng tải Đường dây 220 kV Nho Quan - Thanh Hóa	62,8		
95	Lắp máy biến áp thứ 2 Trạm biến áp 220 kV Trục Ninh		250	
96	Đường dây 220 kV Ninh Bình - Nam Định	2&3x34,7		

STT	Danh mục dự án	Quy mô		Ghi chú
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)	
97	Nâng công suất Trạm biến áp 220 kV Nghi Sơn và mở rộng 02 ngăn lộ 110 kV		125+250→ 2x250	
98	Trạm biến áp 220 kV Nông Công		2x250	
99	Trạm biến áp 220 kV Quỳnh Lưu	4x5	250	
100	Nâng công suất máy biến áp 220 kV Trạm biến áp 500 kV Hà Tĩnh		125→250	
101	Đường dây 220 kV mạch 2 Đông Hới - Đông Hà	107		
102	Đường dây 220 kV mạch 2 Đông Hà - Huế	87		
103	Trạm biến áp 220 kV Phong Điền	4x5	1x125	
104	Trạm biến áp 220 kV Quảng Ngãi (máy 2)		125	
105	Nâng công suất các trạm biến áp 220 kV: Quy Nhơn, Nha Trang, Krông Buk, Bảo Lộc, máy biến áp 220 kV trong trạm 500 kV Pleiku		125→250; 125→250; 125→250; 63→125; 125→250	
106	Lắp máy biến áp trong Trạm cắt Phước An		1x125	
107	Lắp máy 2 Trạm biến áp 220 kV Dung Quất		250	
108	Treo dây mạch 2 Đường dây 220 kV Tuy Hòa - Nha Trang	128,8		
109	Lắp máy biến áp thứ 2 Trạm biến áp 220 kV Kon Tum		125	
110	Trạm biến áp 220 kV Đắk Nông		2x125	
111	Đường dây 220 kV Di Linh - Bảo Lộc	33		
112	Đường dây 220 kV Bình Long- Tây Ninh	2x64		
113	Lắp máy 2 trạm 220 kV Uyên Hưng		250	
114	Trạm biến áp 220 kV Bến Cát	4x2	250	

STT	Danh mục dự án	Quy mô		Ghi chú
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)	
115	Đường dây 220 - 110 kV Bình Tân - Cầu Bông (đoạn từ Trạm biến áp 220 kV Cầu Bông đến Trạm biến áp 110 kV Hóc Môn 2)	4x12		HCMC
116	Đường dây 220 kV Nam Sài Gòn - Quận 8	2x6,5		HCMC
117	Trạm biến áp 220 kV Tân Cảng		2x250+2x63	HCMC
118	Lắp máy 2 trạm biến áp 220 kV Đức Hòa		250	
119	Trạm 220 kV Cần Đước và đường dây đầu nối	2x0,3+4x2	250+63	SPC
120	Lắp máy 2 trạm biến áp 220 kV Vũng Tàu		250	
121	Lắp máy biến áp thứ 3 Trạm biến áp 220 kV Tân Thành (KCN Phú Mỹ 2)		250	
122	Lắp máy biến áp thứ 2 Trạm biến áp 220 kV TP. Nhơn Trạch (Bàu Sen)		250	
123	Cải tạo Đường dây 220 kV Phú Lâm - Cai Lậy 2	70,9		
124	Cải tạo, nâng cấp Đường dây 220 kV Cao Lãnh - Thốt Nốt	2x31,2		
125	Trạm biến áp 220 kV Cần Thơ		250	
126	Đường dây 220 kV Nhà máy điện Long Phú - Sóc Trăng	2x34,6		
127	Đường dây 220kV Nhà máy điện Long Phú - Cần Thơ - Trà Nóc	2x47,8+4x27,7		
128	Treo dây mạch 2 Đường dây 220 kV Ô Môn - Sóc Trăng	1x80		
129	Nâng công suất Trạm biến áp 220 kV: Trà Vinh, Cà Mau và lắp đặt các ngăn lộ 110 kV trạm 220 kV Bến Tre		125→250 125→250	
130	Trạm biến áp 220 kV KCN Sa Đéc và đường dây đầu nối	2x0,2+2x18,5	250	SPC

STT	Danh mục dự án	Quy mô		Ghi chú
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)	
IV	Năm 2019			
131	Trạm biến áp 220 kV Thủy Nguyên	4x2	250	
132	Trạm biến áp 220 kV Lạng Sơn		125	
133	Đường dây 220 kV Bắc Giang - Lạng Sơn	1x101,6		
134	Đường dây 220 kV Nha Trang - Tháp Chàm	2x87		
135	Lắp máy biến áp thứ 2 Trạm biến áp 220 kV Than Uyên		250	
136	Lắp máy biến áp thứ 2 Trạm biến áp 220 kV Sơn Tây		250	
137	Nâng công suất Trạm biến áp 220 kV Phú Lý		125→250	
138	Nâng khả năng tải Đường dây 220 kV Hòa Bình - Chèm	70		
139	Thay dây nâng khả năng tải Đường dây 220 kV Hòa Bình - Hà Đông	2x62		
140	Cải tạo Đường dây 220 kV Hà Đông - Chèm	1x17		
141	Trạm biến áp 220 kV Tây Ninh 2	2x5	2x250	
142	Mở rộng Trạm biến áp 220 kV Đình Vũ		250	
143	Cải tạo Đường dây 220 kV Đồng Hòa - Thái Bình	2x53		
144	Cải tạo Đường dây 220 kV Phú Mỹ - Long Thành	2x24,9		
145	Lắp máy biến áp trạm 220 kV Bắc Kạn		1x125	
146	Đường dây 220 kV Pleiku 2 - An Khê	1x120		
147	Đường dây 220 kV Thượng Kon Tum - Quảng Ngãi	2x76		
148	Trạm biến áp 220 kV Vân Phong	4x3	1x250	
149	Trạm biến áp 220 kV Bến Lức	2x10	250	

STT	Danh mục dự án	Quy mô		Ghi chú
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)	
150	Trạm biến áp 220 kV Châu Đức	4x2	250	
151	Trạm biến áp 220 kV Tân Uyên (máy 2)		250	
152	Trạm biến áp 220 kV Tam Phước	2x2	250	
153	Lắp máy 2 Trạm biến áp 220 kV Hàm Tân		250	
154	Nâng công suất Trạm biến áp 220 kV Sóc Trăng		125→250	
155	Nâng công suất Trạm biến áp 220 kV Trà Vinh		125→250	
156	Nâng công suất Trạm biến áp 220 kV Hưng Đông		125+250→ 2x250	
157	Thay dây tăng cường khả năng tải Đường dây 220 kV Nhà Bè - Phú Lâm (đoạn Bình Chánh - Phú Lâm)	2x8,7		
158	Treo dây mạch 2 đoạn Thanh Hóa - Nghi Sơn - Quỳnh Lưu trên Đường dây 220kV Thanh Hóa - Vinh	1x100		
159	Trạm biến áp 220 kV Ninh Bình 2 và các đường dây đấu nối 220 kV, 110 kV	2x9,5+2x1,5+ 1x2,4	1x250	NPC
160	Trạm biến áp 220 kV Hải Châu và Đường dây 220 kV Hòa Khánh - Hải Châu	2x10	1x250	
161	Trạm biến áp 220 kV Mường La và đường dây đấu nối	2x1,5	2x125	
162	Trạm biến áp 220 kV Yên Mỹ và đường dây đấu nối	2x2	1x250	
163	Trạm biến áp 220 kV Lai Châu (máy 2)		250	
164	Cải tạo Đường dây 220 kV Yên Bái - Việt Trì	2x67		
165	Đường dây 220 kV Nhiệt điện Hải Dương - trạm 500 kV Phố Nối	2x60		
166	Đường dây 220 kV Nhiệt điện Hải Dương - Rẽ Phả Lại - Hải Dương 2	4x2		

STT	Danh mục dự án	Quy mô		Ghi chú
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)	
167	Nâng công suất Trạm biến áp 220 kV Ngũ Hành Sơn		250→2x250	
168	Trạm 220kV Xuân Lộc (máy 2)		250	
169	Thay dây siêu nhiệt Đường dây Bến Tre - Mỹ Tho	2x15,95		
170	Đường dây 220 kV Chơn Thành - Bến Cát	2x50		
171	Lắp máy biến áp thứ 2 Trạm biến áp 220 kV Bến Cát		250	
172	Lắp máy biến áp thứ 2 Trạm biến áp 220 kV Đông Hà		125	
173	Lắp máy biến áp thứ 2 Trạm biến áp 220 kV Đức Trọng		125	
174	Trạm biến áp 220 kV Cam Ranh và đường dây đấu nối	4x2	1x250	
175	Trạm biến áp 220 kV Châu Thành (Hậu Giang)		250	
176	Đường dây 220 kV Kiên Bình - Phú Quốc	2x73		SPC
177	Trạm 220 kV Vĩnh Lộc và đường dây đấu nối		2x250+2x63	HCMC
178	Đường dây 220 kV Cát Lái - Tân Cảng	2x13,6		HCMC
179	Nâng công suất Trạm biến áp 220 kV Nhà máy thủy điện Buôn Kuốp		125→2x125	GENCO3
180	Nâng công suất Trạm biến áp 220 kV Nhà máy thủy điện Hòa Bình		2x63→2x125	EVN
181	Trạm biến áp 220 kV Nghĩa Lộ và đường dây đấu nối	2x93	1x250	
V	Năm 2020			
182	Trạm biến áp 220 kV Mường Tè		1x250	
183	Đường dây 220 kV Mường Tè - Lai Châu	2x80		
184	Đường dây 220 kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ	2x65		

STT	Danh mục dự án	Quy mô		Ghi chú
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)	
185	Cải tạo Đường dây 220 kV Hòa Bình - Trạm biến áp 500 kV Việt Trì - Sóc Sơn	50+49,6+40,2+27,4		
186	Trạm biến áp 220 kV Bắc Ninh 4 và đường dây đầu nối	2x11	1x250	
187	Lắp máy biến áp 220 kV thứ 2 Trạm biến áp 500 kV Nho Quan		125	
188	Trạm biến áp 220 kV Văn Điển và đường dây đầu nối	4x7	2x100	
189	Cải tạo Đường dây 220 kV Thái Nguyên - Bắc Giang	1x68		
190	Cải tạo Đường dây 220 kV Phả Lại - rẽ ND Hải Dương	2x17		
191	Trạm biến áp 220 kV Vũng Áng và đường dây đầu nối	2x3	125	
192	Trạm biến áp 220 kV Dung Quất 2 và đường dây đầu nối	2x15	2x125	
193	Trạm biến áp 220 kV Chư Sê và đường dây đầu nối	2x2	1x125	
194	Trạm biến áp 220 kV Duy Xuyên và Đường dây 220 kV Trạm 500 kV Thạnh Mỹ - Duy Xuyên	4x2+2x57	125	
195	Trạm biến áp 220 kV Yên Hưng và đường dây đầu nối	2x12	250	
196	Trạm biến áp 220 kV Lao Bảo và đường dây 220 kV Lao Bảo - Đông Hà	2x52	125	
197	Trạm biến áp 220 kV An Phước và đường dây đầu nối	4x5	2x250	
198	Trạm biến áp 220 kV Bến Cát 2 và đường dây đầu nối	4x2	2x250	
199	Cải tạo đường dây 110 kV Nhiệt điện Phú Mỹ - Tân Thành thành đường dây 4 mạch hỗn hợp 220-110 kV	2x11		
200	Đường dây 220 kV Sông Mây - Tam Phước	2x20		

STT	Danh mục dự án	Quy mô		Ghi chú
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)	
201	Đường dây 220 kV Tân Sơn Nhất - Thuận An	2x15		
202	Đường dây 220 kV từ Trạm 500 kV Long Thành - Công nghệ cao	2x25		
203	Đường dây 220 kV Chơn Thành - Bến Cát 2	2x20		
204	Đường dây 220 kV Thốt Nốt - Long Xuyên - Châu Đốc	2x69		cải tạo
205	Đường dây 220 kV Cù Chi - Trảng Bàng	2x15		cải tạo
206	Nâng công suất máy biến áp thứ 2 Trạm biến áp 220 kV Vĩnh Long 2		125→250	
207	Trạm biến áp 220 kV Phan Rí và đường dây đầu nối	4x2	250	
208	Lắp máy biến áp thứ 2 Trạm biến áp 220 kV Phú Thọ		250	
209	Thay máy biến áp thứ 2 Trạm biến áp 220 kV Bình Long		125→250	
210	Trạm biến áp 220 kV Krông Ana và đường dây đầu nối (Cư Kuin)	2x12	2x125	
211	Nâng công suất Trạm biến áp 220 kV Huế		125+250→2x250	
212	Nâng công suất Trạm biến áp 220 kV Hòa Khánh		125+250→2x250	
213	Nâng công suất Trạm biến áp 220 kV Vĩnh Tường		250→2x250	NPC
214	Lắp máy 2 Trạm biến áp 220 kV KCN Sa Đéc		250	SPC
215	Lắp máy 2 Trạm biến áp 220 kV Long Xuyên 2		250	SPC
216	Lắp máy 2 Trạm biến áp 220 kV Cần Đước		250	SPC
217	Trạm biến áp 220 kV Tân Sơn Nhất		2x250	HCMC
218	Đường dây 220 kV Hiệp Bình Phước - Tân Sơn Nhất	2x7		HCMC

STT	Danh mục dự án	Quy mô		Ghi chú
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)	
219	Trạm 220/110 kV Thủ Thiêm và đường dây đấu nối	4x0,5	2x250+2x63	HCMC
220	Đường dây 220 kV Đầm Sen - Tân Sơn Nhất	2x6		HCMC
221	Trạm biến áp 220 kV Đầm Sen		2x250+2x63	HCMC
222	Đường dây 220 kV Phú Lâm - Đầm Sen	2x6		HCMC
223	Cáp ngầm Tân Cảng - Tao Đàn	2x7		
224	Trạm 220 kV Giá Rai	4x2	125	
225	Đường dây 220 kV Lào Cai - Bảo Thắng và mở rộng ngăn lộ tại Trạm biến áp 220 kV Bảo Thắng	1x17		
226	Lắp máy biến áp thứ 2 Trạm biến áp 220 kV Đông Hà		125	
227	Trạm biến áp 220 kV nối cấp tại trạm 500 kV Phố Nối		2x250	
228	Trạm biến áp 220 kV Tương Dương và đường dây đấu nối	2x3	125	
229	Mạch 2 đường dây 220 kV Rạch Giá 2 - Kiên Bình	2x74		
230	Trạm biến áp 220 kV Khu kinh tế Nghi Sơn		2x250	
231	Cải tạo Đường dây 220 kV Nhiệt điện Phả Lại - Bắc Giang	26,9		